

Phần 2. YÊU CẦU VỀ KỸ THUẬT

Chương V. YÊU CẦU VỀ KỸ THUẬT

Mục 1. Yêu cầu về kỹ thuật

1.1. Giới thiệu chung về dự án/dự toán mua sắm, gói thầu

- Tên gói thầu: Cung cấp cây giống, vật tư, phân bón
- Nguồn vốn: Chương trình MTQG Giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025
- Quy mô: Cung cấp cây giống, vật tư, phân bón cho 83 ha cho 238 hộ dân đang sinh sống trên địa bàn xã Mường Khương.
- Nội dung, định mức hỗ trợ:
 - + Hỗ trợ cây giống cho 01 ha cây: 18.900 cây (trong đó: 18.000 cây trồng mới, 900 cây trồng dặm)
 - + Định mức hỗ trợ phân bón cho 01 ha: 900 kg/ha.
- Thời gian thực hiện: 30 ngày.
- Địa điểm: Các thôn trên địa bàn xã Mường Khương, tỉnh Lào Cai (có danh sách chi tiết các hộ thuộc các thôn thụ hưởng và số lượng chi tiết kèm theo)

1.2. Yêu cầu về kỹ thuật

Thông số kỹ thuật của hàng hóa và các dịch vụ liên quan phải tuân thủ các thông số kỹ thuật và các tiêu chuẩn sau đây:

*** Yêu cầu chung về kỹ thuật**

- Nhà thầu phải cung cấp các tài liệu để chứng minh hàng hóa chào thầu đáp ứng tất cả các yêu cầu về kỹ thuật theo yêu cầu của E-HSMT và lập bảng so sánh tính đáp ứng thông số kỹ thuật giữa hàng hóa chào thầu và thông số kỹ thuật yêu cầu của E-HSMT;
- Có bảng cam kết thực hiện giao hàng đúng tiến độ yêu cầu của E-HSMT;
- Nếu nhà thầu cung cấp hàng hóa không đúng theo danh mục, quy cách chào thầu thì Chủ đầu tư có quyền từ chối nhận hàng và nhà thầu phải cung cấp lại đúng theo đúng danh mục hàng hóa đã chào thầu (mọi rủi ro và chi phí liên quan do nhà thầu chịu). Trường hợp nhà thầu không đáp ứng về cung cấp hàng hóa theo danh mục chào thầu thì Chủ đầu tư có quyền hủy hợp đồng và mời nhà thầu khác cung cấp, mọi chi phí liên quan đến gói thầu sẽ do nhà thầu chịu trách nhiệm.

- Toàn bộ hàng hóa giao nhận phải có nguồn gốc rõ ràng, chất lượng phải được chứng nhận; có đầy đủ ký mã hiệu, hãng sản xuất, tài liệu chứng minh tiêu chuẩn, quy chuẩn sản xuất áp dụng. Hàng hóa cung cấp phải mới 100%, nguyên đai, nguyên kiện theo quy định của nhà sản xuất.

- Phương thức giao nhận: Giao nhận trực tiếp bằng phương pháp kiểm đếm

*** Yêu cầu kỹ thuật chi tiết:**

Hàng hóa phải đáp ứng các yêu cầu về đặc tính, thông số kỹ thuật và các yêu cầu khác như quy định dưới đây và là mức yêu cầu tối thiểu phải đạt.

TT	Danh mục hàng hóa	Thông số kỹ thuật
1	Cây giống Chè Shan	100% cây đúng giống, sinh trưởng khỏe, thân cây thẳng, cứng cáp, mức hóa nâu thân cây $\geq 50\%$, bầu nguyên vẹn, cây đã được huấn luyện từ 10 đến 15 ngày, có ≥ 8 lá thật trên cây, sạch sâu bệnh, phải được ngắt bỏ hết nụ hoa; có đường kính thân $\geq 0,30$ cm, chiều cao cây: từ 25 cm đến 34 cm tính từ mặt bầu; tuổi cây: từ 10 đến 12 tháng kể từ khi cắm hom vào bầu. Kích thước bầu: 8 x 12cm
2	Phân bón hữu cơ	<ul style="list-style-type: none"> - Chất hữu cơ $\geq 25\%$; - Đạm tổng số (Nts) $\geq 3\%$; - Axit humic $\geq 3\%$; - Trichoderma: $\geq 1 \times 10^5$ CFU/g; - Canxi (Ca) $\geq 3\%$; - Magie (Mg) $\geq 1\%$; - Kẽm (Zn): 150 ppm; - Tỷ lệ C/N: 12; - pH: 7 - Độ ẩm: $\leq 30\%$.

1.3. Các yêu cầu khác

- Nhà thầu phải cung cấp đúng, đủ chủng loại, số lượng hàng hoá; Hàng hóa chào thầu phải đảm bảo và nêu rõ ký mã hiệu, tên nhà sản xuất, nguồn gốc xuất xứ rõ ràng đáp ứng theo yêu cầu của HSMT.

- Trong thời gian bảo hành, nếu hàng hóa không đảm bảo chất lượng, thì nhà thầu sẽ phải chịu mọi phí tổn để thay mới hoặc khắc phục.

- Nhà thầu phải lập bảng kê khai các thông số kỹ thuật của hàng hoá dự thầu với hàng hoá mời thầu, trong đó ghi chú rõ thiết bị có thông số kỹ thuật “tương đương” hoặc “tốt hơn” yêu cầu của E-HSMT.

Thuyết minh biện pháp kỹ thuật thực hiện của Nhà thầu phải nêu được đầy đủ, rõ ràng, chính xác các nội dung theo yêu cầu của E-HSMT, không nêu chung chung, thuyết minh sơ sài, thuyết minh không rõ ràng. Thuyết minh phải thể hiện được cách tiếp cận công việc một cách logic, khoa học, đúng đắn; đưa ra được giải pháp và kế hoạch thực hiện chi tiết các công việc theo thời gian, có kế hoạch kiểm tra chất lượng theo từng bước; Có kế hoạch và phương án trao đổi, kiểm tra, nghiệm thu, bàn giao hàng cho Chủ đầu tư một cách chi tiết, cụ thể.

Nhà thầu phải thể hiện trong thuyết minh kỹ thuật thực hiện công việc phương án huy động nhân lực thực hiện gồm nhân lực chủ chốt và nhân lực khác. Nhân lực mà Nhà thầu huy động phải phù hợp với nội dung công việc của gói thầu, phù hợp với công việc được giao, đảm bảo tính khả thi, logic, phù hợp với thực tế gói thầu.

Nhà thầu phải thể hiện trong thuyết minh kỹ thuật thực hiện công việc phương án huy động thiết bị vận chuyển và các phương tiện khác đảm bảo tính khả thi vận chuyển hàng tới vị trí yêu cầu của chủ đầu tư.

Đấu thầu bền vững: Hàng do Nhà thầu cung cấp phải đảm bảo thân thiện với môi trường;

- Nhà thầu có cam kết bàn giao đào tạo, hướng dẫn sử dụng tại nơi bàn giao hàng hoá;

- Thời gian bảo hành đối với tất cả thiết bị theo tính từ thời điểm hàng hóa được nghiệm thu đưa vào sử dụng;

Danh sách chi tiết các địa điểm và số lượng cần cấp như sau:

DANH SÁCH					
Các hộ tham gia dự án phát triển vùng nguyên liệu chè xã Mường Khương					
Stt	Họ và tên	Tên Thôn	Diện tích (ha)	Cấp cây	Cấp dặm
Tổng số			83,00		
I	KV Thanh bình		22,28	401.040	20.052
1	Giàng Seo Lăng	Sín Chải	0,83	14.940	747
2	Sủng Seo Khoa	Sín Chải	0,68	12.240	612
3	Giàng Xuân Chu	Sín Chải	0,81	14.580	729
4	Giàng Seo Quảng	Sín Chải	0,55	9.900	495
5	Ma Seo Pao	Sín Chải	0,65	11.700	585
6	Cư Seo Sèo	Sín Chải	0,35	6.300	315
7	Ma Seo Châu	Sín Chải	0,1	1.800	90
8	Lò Thế Phà	Sín Chải	0,33	5.940	297
9	Giàng Văn Pao	Sín Chải	0,67	12.060	603
10	Sủng Seo Nụ	Sín Chải	0,31	5.580	279
11	Hoàng Sử Trung	Thính Chéng	0,11	1.980	99
12	Thần Sào Chín	Thính Chéng	0,12	2.160	108
13	Thần Sào Sáng	Thính Chéng	0,28	5.040	252

14	Thần Ngọc Thắng	Thính Chéng	0,38	6.840	342
15	Hồ Sứ Lèng	Thính Chéng	0,29	5.220	261
16	Thần Ngọc Lợi	Thính Chéng	0,73	13.140	657
17	Vàng Kháy Dương	Thính Chéng	0,18	3.240	162
18	Phần Văn Hành	Thính Chéng	0,25	4.500	225
19	Vàng Chín Diu (1)	Thính Chéng	0,58	10.440	522
20	Vàng Chín Quang	Thính Chéng	0,29	5.220	261
21	Vàng Khái Tiến	Thính Chéng	0,22	3.960	198
22	Vàng Kháy Lèng	Thính Chéng	0,14	2.520	126
23	Phần Quáng Chấn	Thính Chéng	0,52	9.360	468
24	Thần Văn Dương	Thính Chéng	0,25	4.500	225
25	Thần Văn Trườg	Thính Chéng	0,07	1.260	63
26	Vàng Văn Chỏn	Thính Chéng	0,15	2.700	135
27	Tráng Kháy Sài	Thính Chéng	0,11	1.980	99
28	Sùng Ngán Sờ	Thính Chéng	0,12	2.160	108
29	Phần Quáng Minh	Thính Chéng	0,52	9.360	468
30	Pờ Quáng Chi	Thính Chéng	0,13	2.340	117
31	Ly Phà Mìn	Sín Hồ	0,06	1.080	54
32	Lò Seo Tính	Sín Hồ	0,32	5.760	288
33	Sùng Chấn Hòa	Sín Hồ	0,31	5.580	279

34	Tản Chín Diu	Sín Hồ	0,1	1.800	90
35	Phàn Khái Phà	Sín Hồ	0,16	2.880	144
36	Lý Cáo Dầu	Sín Hồ	0,53	9.540	477
37	Tản Seo Phà	Sín Hồ	0,31	5.580	279
38	Tản Vần Sài	Sín Hồ	0,12	2.160	108
39	Giàng Dùng Xê	Lao Hầu	0,13	2.340	117
40	Lù Sào Hũa	Lao Hầu	0,25	4.500	225
41	Vàng Phà Tỉn	Lao Hầu	0,13	2.340	117
42	Vàng Chấn Phìn	Lao Hầu	0,29	5.220	261
43	Lò Thế Hồng	Lao Hầu	0,23	4.140	207
44	Lò Thế Chấn	Lao Hầu	0,38	6.840	342
45	Giàng Dùng Seng	Lao Hầu	0,18	3.240	162
46	Vàng Di Dùng	Lao Hầu	0,43	7.740	387
47	Di Phủng Hồng	Lao Hầu	0,18	3.240	162
48	Ly Chấn Seng	Pờ Hồ	0,45	8.100	405
49	Tải Cồ Sín	Nậm Rúp	0,31	5.580	279
50	Ly Diu Sinh	Nậm Rúp	0,19	3.420	171
51	Lù Hai Thương	Nậm Rúp	0,36	6.480	324
52	Tải Cồ Tình	Nậm Rúp	0,05	900	45
53	Sền Ngọc Tuyên	Nậm Rúp	0,21	3.780	189

54	Lù Hai Dương	Nậm Rúp	0,4	7.200	360
55	Vùi Diu Cương	Nậm Rúp	0,13	2.340	117
56	Lù Chúng Khiêm	Nậm Rúp	0,18	3.240	162
57	Vùi Diu Phong	Nậm Rúp	0,08	1.440	72
58	Cáo Chủ Khánh	Nậm Rúp	0,31	5.580	279
59	Vàng Phù Lợi	Nậm Rúp	0,08	1.440	72
60	Sin Văn Tuyên	Nậm Rúp	0,07	1.260	63
61	Lù Phà Dín	Nậm Rúp	0,28	5.040	252
62	Sên Diu Khải	Nậm Rúp	0,2	3.600	180
63	Tải Văn Minh	Nậm Rúp	0,12	2.160	108
64	Sin Văn Thanh	Nậm Rúp	0,28	5.040	252
65	Sin Văn Tiền	Nậm Rúp	0,29	5.220	261
66	Tải Văn Vinh	Nậm Rúp	0,05	900	45
67	Thên Khậy Lâm	Nậm Rúp	0,23	4.140	207
68	Thên Khậy Tường	Nậm Rúp	0,1	1.800	90
69	Lù Phà Chiến	Nậm Rúp	0,33	5.940	297
70	Ly Diu Pín	Nậm Rúp	0,39	7.020	351
71	Tải Cồ Lương	Nậm Rúp	0,07	1.260	63
72	Thên Khậy Cương	Nậm Rúp	0,24	4.320	216
73	Sên Khậy Trường	Nậm Rúp	0,26	4.680	234

74	Vàng Khải Sáng	Nậm Rúp	0,08	1.440	72
75	Lù Văn Hiệp	Nậm Rúp	0,48	8.640	432
76	Thần Khậy Sẻo	Nậm Rúp	0,21	3.780	189
77	Lù Phà Pín	Nậm Rúp	0,44	7.920	396
78	Thần Chấn Diu	Nậm Rúp	0,38	6.840	342
79	Thần Chấn Mìn	Nậm Rúp	0,1	1.800	90
80	Sên Súng Cồ	Nậm Rúp	0,04	720	36
81	Hoàng Văn Chinh	Nậm Rúp	0,06	1.080	54
II	KV Nậm Chảy		24,30		
82	Ly Seo Cồ	Mào Phìn	0,95		
83	Lù Sín Páo	Mào Phìn	0,65		
84	Thào Cồ Vàng	Mào Phìn	0,34		
85	Giàng Thị Mỹ	Mào Phìn	0,75		
86	Hằng Văn Dững	Mào Phìn	0,79		
87	Hằng Seo Sừ	Mào Phìn	0,63		
88	Vàng Văn Hùng	Nậm Chảy	0,30		
89	Vàng Văn Khờ	Nậm Chảy	0,34		
90	Nùng Văn Chỏn	Nậm Chảy	0,20		
91	Giàng Quáng Phủng	Nậm Chảy	0,94		
92	Vàng Diu Mìn	Nậm Chảy	0,88		
93	Lèng Phà Ngán	Nậm Chảy	0,21		
94	Phàn Sầu Diu	Cốc Râm	0,15		

95	Chào Văn Minh	Cốc Râm	0,20		
96	Tần Khái Pao A	Cốc Râm	0,38		
97	Hoàng Diu Chuẩn	Cốc Râm	0,63		
98	Tần Diu Sàng	Cốc Râm	0,25		
99	Châu Seo Lao	Cốc Râm	0,33		
100	Tần Khái Phương	Cốc Râm	0,10		
101	Hoàng Diu Mìn	Cốc Râm	0,34		
102	Tần Diu Củi	Cốc Râm	0,90		
103	Tần Khái Củi B	Cốc Râm	0,38		
104	Châu Pao Tràng	Cốc Râm	0,40		
105	Châu Kháy Lêng	Cốc Râm	0,55		
106	Tần Văn Đánh	Cốc Râm	0,25		
107	Tần Lao Sử	Cốc Râm	0,44		
108	Ly Cồ Củi	Cốc Râm	0,30		
109	Ly Cồ Diu	Cốc Râm	0,60		
110	Ly Cồ Pao	Cốc Râm	1,25		
111	Hoàng Diu Thành	Cốc Râm	0,30		
112	Phàn Seo Mìn	Cốc Râm	0,32		
113	Ly Chấn Sáng	Cốc Râm	0,13		
114	Hảng Diu Phù	Gia khâu A	1,1		
115	Thào Quảng Hoà A	Gia khâu A	0,7		
116	Giàng Diu Hùng	Gia khâu A	0,3		
117	Ly Seo Minh	Sấn Pản	1,2		
118	Lục Thị dín	Sấn Pản	0,1		
119	Thào Seo Sử	Sấn Pản	0,19		
120	Lêng Văn Ngòi	Sấn Pản	0,23		

121	Thào Sín Hòa	Sấn Pản	1,15		
122	Chào Thị Dín	Sấn Pản	1,08		
123	Lý Văn Quang	Sảng Lùng Phìn	0,3		
124	Tấn Khái Mìn B	Sảng Lùng Phìn	0,4		
125	Phàn Sào Lêng	Sảng Lùng Phìn	0,23		
126	Phàn Chi Diu	Sảng Lùng Phìn	0,06		
127	Cheng Lao Tả	Sảng Lùng Phìn	0,8		
128	Tấn Phà Sềng	Sảng Lùng Phìn	0,27		
129	Tấn Chi Phủ	Sảng Lùng Phìn	0,2		
130	Lù Chấn Sần	Sảng Lùng Phìn	0,3		
131	Tấn Khái Mìn A	Sảng Lùng Phìn	0,08		
132	Ly Lao Tả	Sảng Lùng Phìn	0,25		
133	Phàn Si Phà	Sảng Lùng Phìn	0,18		
III	KV Mường Khương		13,44		
134	Tráng Lền San	Thôn Sa Pả	1		
135	Táo Thên Tờ	Thôn Sa Pả	0,5		
136	Tráng Lền Bình	Thôn Sa Pả	0,5		
137	Tráng Lền Phà	Thôn Sa Pả	1		
138	Lý Văn Minh	Thôn Sa Pả	1		
139	Pờ Mìn Hùng	Thôn Sa Pả	0,44		
140	Lù Trá Học	Thôn Tùng Lâu	1,3		
141	Lù Văn Khê	Thôn Tùng Lâu	0,5		
142	Lù Thị Lin	Thôn Tùng Lâu	0,5		
143	Long Phúc Cường	Thôn Tùng Lâu	1,2		
144	Sân Thuý Hiệu	Thôn Tùng Lâu	0,5		
145	Lù Thế Sềng	Thôn Lao Chải	1		
146	Thào Diu Mìn	Thôn Lao Chải	0,35		
147	Lò Diu Chử	Thôn Lao Chải	0,35		
148	Vàng Phà Sề	Thôn Chúng Chải A	0,35		
149	Lò Công Sân	Thôn Chúng Chải A	0,2		
150	Lò Hòa Chăm	Thôn Chúng Chải A	0,35		
151	Lò Dìn Lêng	Thôn Chúng Chải A	0,1		
152	Lò Thế Hòa	Thôn Chúng Chải A	0,4		
153	Lò Dìn Thề	Thôn Chúng Chải A	0,15		
154	Lò Diu Sàng	Thôn Chúng Chải A	0,35		

155	Nông Văn Lâm	Thôn Mã Tuyền	0,25		
156	Trương Thị Lành	Thôn Na Khui	0,2		
157	Hoàng Seo Đánh	Thôn Sả Hồ	0,25		
158	Tần Khái Củi A	Thôn Sả Hồ	0,5		
159	Phàn Khái Sài	Thôn Sả Hồ	0,2		
IV	KV Tung Chung Phố		0,84		
160	Lò Si Sìn	Páo Tùng	0,26		
161	Vàng Văn Suồng	Páo Tùng	0,26		
162	Lò Xi Hội	Páo Tùng	0,07		
163	Tần Khái Hùng	Lũng Pâu	0,13		
164	Giàng Phóng Chín	Lũng Pâu	0,12		
V	KV Năm Lư		22,14		
165	Lù Phà Sên	Lũng Húi	0,3		
166	Vàng Văn Soồng	Lũng Húi	0,15		
167	Lù Ý Lử	Lũng Húi	0,38		
168	Vàng Văn Hảo	Lũng Húi	0,35		
169	Vàng Tờ Nủ	Lũng Húi	0,5		
170	Vàng Sử Ngán	Lũng Húi	0,26		
171	Ly Phát Suồng	Cốc Chứ	0,5		
172	Lù Văn Củi	Pạc Ngam	0,2		
173	Sin Văn Là	Cốc Chứ	0,1		
174	Thàng Văn Long	Cốc Chứ	0,27		
175	Thên Chấn Phin	Cốc Chứ	0,1		
176	Lèng Văn Thương	Cốc Chứ	0,23		
177	Sin Văn Mầu	Cốc Chứ	0,32		
178	Hoàng Đức Khai	Cốc Chứ	0,08		
179	Hoàng Văn Chấn	Cốc Chứ	0,43		
180	Lù Phà Hùng	Cốc Chứ	0,16		
181	Lò Văn Tường	Nâm Ọoc	0,51		
182	Lũng Thị Sân	Nâm Ọoc	0,47		
183	Thên Văn Bằng	Nâm Ọoc	0,12		
184	Thên Chín Minh	Nâm Ọoc	0,47		
185	Vàng Văn Nam	Nâm Ọoc	0,26		
186	Lò Văn Đường	Nâm Ọoc	0,13		
187	Lù Văn Đương	Nâm Ọoc	0,34		

188	Lùng văn San	Nám Ọoc	0,08		
189	Lò Căn Chiểu	Nám Ọoc	0,22		
190	Lò Văn Khây	Nám Ọoc	0,56		
191	Sì Sín Pao	Sao Cô Sỉn	0,55		
192	Chấu A Giáo	Sao Cô Sỉn	0,42		
193	Chấu Cồ Phà	Sao Cô Sỉn	0,42		
194	Chấu A CHu	Sao Cô Sỉn	0,28		
195	Thào Tờ Quáng	Sao Cô Sỉn	0,86		
196	Sì Sín Ngán	Sao Cô Sỉn	0,25		
197	Ly Seo Phừ	Sao Cô Sỉn	0,52		
198	Thào Thị Song	Sao Cô Sỉn	0,16		
199	Sùng A Hoà	Sao Cô Sỉn	0,12		
200	Giàng Sín Diu	Sao Cô Sỉn	0,47		
201	Sùng Diu Sài	Sao Cô Sỉn	0,69		
202	Giàng Thào Pao	Sao Cô Sỉn	0,2		
203	Hoàng Diu Sềng	Sao Cô Sỉn	0,27		
204	Chấu Cồ Diu	Sao Cô Sỉn	0,15		
205	Giàng Xuân Toàn	Sao Cô Sỉn	0,18		
206	Chấu Seo Sùng	Sao Cô Sỉn	0,4		
207	Sí Sín Dìn	Sao Cô Sỉn	0,03		
208	Chấu Xuân Bình	Sao Cô Sỉn	0,18		
209	Giàng Xuân Sềng	Sao Cô Sỉn	0,15		
210	Lùng Quáng Hoà	Sao Cô Sỉn	0,16		
211	Chấu A Lành	Sao Cô Sỉn	0,35		
212	Lùng Tải Lìn	Sao Cô Sỉn	0,15		
213	Sì Sín Phìn	Sao Cô Sỉn	0,28		
214	Sì Sín Tải	Sao Cô Sỉn	0,13		
215	Lù Phà Seng	Ngam lâm	0,53		
216	Lù Diu Dĩ	Ngam Lâm	0,25		
217	Ma Chấn Phìn	Ngam Lâm	0,36		
218	Thên Thị Dẫn	Ngam Lâm	0,48		
219	Cồ Ngán Năm	Ngam Lâm	0,35		
220	Cồ Ngán Thường	Ngam Lâm	0,06		
221	Sên Thị Phấn	Ngam Lâm	0,22		
222	Cồ Văn Phúc	Ngam Lâm	0,16		

223	Ma Chấn Vinh	Ngam Lâm	0,23		
224	Lù Sín Sần	Ngam Lâm	0,32		
225	Tráng chu Ngoan	Ngam Lâm	0,17		
226	Nùng Văn Đại	Ngam Lâm	0,25		
227	Lù Văn Xuân	Ngam Lâm	0,15		
228	Lù Thị Chét	Ngam Lâm	0,05		
229	Lùng Văn Cùn	Ngam Lâm	0,28		
230	Tráng Chu Bồn	Ngam Lâm	0,18		
231	Lù Diu Cương	Ngam Lâm	0,25		
232	Lục Quân Seng	Ngam lâm	0,61		
233	Thèn Văn Vinh	Tả Thèn	0,18		
234	Vàng Ý Chon	Tả Thèn	0,1		
235	Sin Sín Hoài	Tả Thèn	0,98		
236	Giàng Văn Nùng	Tả Thèn	0,45		
237	Sải Văn Lợi	Tả Thèn	0,35		
238	Lèng Văn Tinh	Tả Thèn	0,32		

Lưu ý:

+ Giá dự thầu của nhà thầu phải bao gồm tất cả các loại thuế phí, lệ phí và các chi phí khác để thực hiện hoàn thành gói thầu.

Ghi chú:

- Hàng hóa chào thầu phải đảm bảo và nêu rõ ký mã hiệu, tên nhà sản xuất, nguồn gốc xuất xứ... theo yêu cầu của HSMT.

- Bất kỳ thương hiệu, mã hiệu, ký hiệu (nếu có) trong bảng yêu cầu kỹ thuật là để minh họa các tiêu chuẩn chất lượng, công nghệ, tính năng kỹ thuật yêu cầu, nhà thầu có thể lựa chọn dự thầu hàng hóa có nguồn gốc, xuất xứ, nhà sản xuất, thương hiệu, mã hiệu phù hợp với điều kiện cung cấp nhưng phải đảm bảo yêu cầu có tiêu chuẩn kỹ thuật, công nghệ, đặc tính kỹ thuật, tính năng sử dụng "tương đương" hoặc "ưu việt hơn" so với các yêu cầu tối thiểu.

- Tên hàng hóa, yêu cầu kỹ thuật, quy cách chỉ mang tính tham khảo, nhà thầu có thể chào tương đương hoặc tốt hơn.

- Yêu cầu thông số kỹ thuật trên là tối thiểu, chỉ nhằm mục đích mô tả và không nhằm mục đích hạn chế nhà thầu. Bất kỳ thương hiệu, ký mã hiệu, nhãn hiệu, catalogue của một sản phẩm cụ thể, danh từ riêng (nếu có) trong bảng yêu cầu kỹ thuật chi tiết chỉ mang tính tham khảo, minh họa cho các tiêu chuẩn chất lượng, tính năng kỹ thuật của hàng hóa, nhà thầu có thể lựa chọn dự thầu hàng hóa có nguồn gốc, xuất xứ, nhà sản xuất, thương hiệu, mã hiệu phù hợp với điều kiện cung cấp của nhà thầu nhưng phải đảm bảo yêu cầu tiêu chuẩn kỹ thuật, đặc tính kỹ thuật, tính năng sử dụng "tương đương" hoặc "ưu việt" hơn hẳn so với yêu cầu tối thiểu. Nội hàm "tương đương" được quy định trong yêu cầu kỹ thuật

được hiểu là: Được cơ quan có thẩm quyền chứng nhận tương đương tiêu chuẩn; Tương đương về mặt kỹ thuật, tính năng sử dụng, tiêu chuẩn công nghệ; Tương đương về tính năng cơ bản, độ tin cậy, phạm vi ứng dụng; Tương đương về công suất; hiệu suất, yêu cầu thông số đầu vào; danh mục, độ chính xác kết quả đầu ra; Tương đương về giá trị đo; độ chính xác kết quả đo; Tương đương về hàm lượng, nồng độ, tính chất; Các yếu tố tương đương khác

Nhà thầu có thể chào hàng hóa được nêu trên hoặc loại hàng hóa khác nhưng phải chứng minh sự tương đương hoặc ưu việt so với hàng hóa được nêu trên. Để chứng minh sự tương đương nhà thầu phải có bảng so sánh chi tiết về thông số kỹ thuật, đặc tính sử dụng cùng các tài liệu kỹ thuật kèm theo để chứng minh.

Mục 2. Bản vẽ: Không có.

Mục 3. Kiểm tra và thử nghiệm

Các kiểm tra và thử nghiệm cần tiến hành gồm có:

Chủ đầu tư có quyền kiểm tra thử nghiệm hàng hóa được cung cấp để đảm bảo hàng hóa đó có đặc tính kỹ thuật phù hợp với yêu cầu của HSMT. Thời gian, địa điểm kiểm tra, đánh giá: Trước khi giao hàng chủ đầu tư cử cán bộ kiểm tra ngẫu nhiên số lượng hàng hóa trên xe, nhà thầu có trách nhiệm cử đại diện tham gia trong quá trình kiểm tra. Trường hợp hàng hóa cung cấp không đủ tiêu chuẩn, chất lượng theo yêu cầu của hợp đồng thì chủ đầu tư có quyền từ chối và nhà thầu phải có trách nhiệm thay thế hàng hóa không đạt yêu cầu. Trường hợp nhà thầu không có khả năng thay thế hàng hóa không đạt yêu cầu, chủ đầu tư có quyền tổ chức việc thay thế khi cần thiết, mọi rủi ro và chi phí liên quan do nhà thầu chịu. Việc kiểm tra, đánh giá hàng hóa của chủ đầu tư không dẫn đến việc miễn trừ nghĩa vụ bảo hành hay các nghĩa vụ khác theo hợp đồng của nhà thầu

- Các kiểm tra cần tiến hành gồm có:

+ Các bên kiểm tra ngoại quan màu sắc, số lượng, nhãn mác, bao gói còn nguyên vẹn, hình dáng bao gói hạn sử dụng trước khi nhận hàng.

+ Các tài liệu chứng minh về tính hợp lệ của hàng hóa.

+ Nghiệm thu các thông số kỹ thuật trước khi bàn giao.

- Công việc chỉ được coi là hoàn thành khi Nhà thầu nhận được biên bản nghiệm thu bàn giao đưa vào sử dụng.

- Mọi thủ tục nghiệm thu bàn giao được thực hiện theo đúng qui định của Pháp luật. Nhà thầu có quyền đưa vào trong đề xuất tài chính toàn bộ các chi phí cần thiết để đảm bảo cho mình nhận được chứng chỉ hoàn thành công việc.

- Kiểm tra thông số so với các yêu cầu của E-HSMT và bàn giao, nghiệm thu sản phẩm.

- Chủ đầu tư kiểm tra và thực hiện nghiệm thu theo quy định khi nhà thầu đã thực hiện hoàn tất khối lượng công việc. (Nhà thầu chịu hoàn toàn trách nhiệm việc trông coi, bảo quản tránh hư hỏng hoặc mất mát trước khi tiến hành nghiệm thu).

Lưu ý: Khi cần thiết chủ đầu tư có thể yêu cầu kiểm định độc lập về chất lượng hàng hóa. Mọi chi phí kiểm định sẽ do nhà thầu chịu.